

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

1.1 Vốn đầu tư xây dựng cơ bản

1.1.1 Thực chất vốn đầu tư xây dựng cơ bản

1.1.1.1 Đầu tư, đầu tư xây dựng cơ bản dự án đầu tư, vốn đầu tư

Trong nền kinh tế thị trường, đầu tư được hiểu là việc bỏ vốn ra hôm nay để mong nhận được kết quả lớn hơn trong tương lai. Kết quả mang lại đó có thể là hiệu quả kinh tế xã hội.

Đầu tư trên giác độ nền kinh tế là sự hy sinh giá trị hiện tại gắn với việc tạo ra các tài sản mới cho nền kinh tế quốc dân của một nước, hoặc một vùng, một tỉnh, thành phố...các hoạt động mua bán, phân phối lại, chuyển giao tài sản giữa các cá nhân, các tổ chức không phải là đầu tư đối với nền kinh tế.

Đầu tư có thể tiến hành theo những phương thức khác nhau: đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp.

- **Đầu tư trực tiếp:** Theo phương thức này người bỏ vốn đầu tư sẽ trực tiếp tham gia quản lý trong quá trình đầu tư, quá trình quản lý kinh doanh khi đưa dự án vào khai thác, sử dụng sau này. Đầu tư trực tiếp có hai hình thức:

+ *Đầu tư dịch chuyển:* là hình thức đầu tư mà ở đó chỉ liên quan đến việc tăng hoặc giảm qui mô của từng nhà đầu tư cá biệt, nó không ảnh hưởng trực tiếp đến việc tăng hoặc giảm qui mô vốn trên toàn xã

+ *Đầu tư phát triển:* là hình thức đầu tư mà ở đó có liên quan đến sự tăng trưởng qui mô vốn của nhà đầu tư và qui mô vốn trên phạm vi toàn xã hội. Điển hình của đầu tư phát triển là đầu tư vào khu vực sản xuất, dịch vụ,

đầu tư vào yếu tố con người và đầu tư vào cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội. Đó là quá trình chuyển hoá vốn bằng tiền thành vốn hiện vật để tạo nên những yếu tố cơ bản của sản xuất kinh doanh dịch vụ tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất kinh doanh mới thông qua việc mua sắm lắp đặt thiết bị, máy móc, xây dựng nhà cửa vật kiến trúc và tiến hành các công việc có liên quan đến sự phát huy tác dụng của các cơ sở vật chất kỹ thuật do hoạt động của nó tạo ra.

- **Đầu tư gián tiếp:** là loại hình đầu tư trong đó người có tiền bỏ tiền ra cho vay hoặc mua các chứng chỉ có giá để hưởng lãi suất định trước (mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu công trình, chứng khoán, trái khoán, gửi tiết kiệm...) hoặc lãi suất tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phát hành. Theo phương thức đầu tư này, người bỏ vốn đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý và điều hành dự án.. Đầu tư gián tiếp không tạo ra tài sản mới cho nền kinh tế mà chỉ làm tăng giá trị tài chính của tổ chức, cá nhân đầu tư. Vì vậy, phương thức đầu tư này còn gọi là đầu tư tài chính.

Hoạt động đầu tư là quá trình sử dụng vốn đầu tư nhằm duy trì những tiềm lực sẵn có, hoặc tạo thêm tiềm lực mới để mở rộng qui mô hoạt động của các ngành sản xuất, dịch vụ, kinh tế, xã hội nhằm tăng trưởng và phát triển nền kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần cho mọi thành viên trong xã hội.

Đầu tư xây dựng cơ bản dẫn đến tích lũy vốn, xây dựng thêm nhà cửa và mua sắm thiết bị có ích, làm tăng sản lượng tiềm năng của đất nước và về lâu dài đưa tới sự tăng trưởng kinh tế. Như vậy đầu tư xây dựng cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng tới sản lượng và thu nhập. Khi tiếp cận với đầu tư XD CB, người ta thường muốn có một định nghĩa ngắn gọn. Để đáp ứng nhu cầu này, có rất nhiều định nghĩa khác nhau. Sau đây là một số định nghĩa thông dụng:

- Đầu tư XDCB của hiện tại là phần tăng thêm giá trị xây lắp do kết quả sản xuất trong thời kỳ đó mang lại.

- Đầu tư XDCB là việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của chính sách kinh tế thông qua chính sách đầu tư XDCB.

- Đầu tư XDCB là một hoạt động kinh tế đem một khoản tiền đã được tích lũy để sử dụng vào XDCB nhằm mục đích sinh lợi.

- Đầu tư XDCB là sử dụng các nguồn vốn để tạo ra các sản phẩm xây dựng mới để từ đó kiếm thêm được một khoản tiền lớn hơn.

Với bảng kê trên ta có thể kéo dài thêm vì đối với một chủ đề phong phú như vậy rất khó tóm gọn trong mấy dòng. Chắc chắn là đầu tư XDCB bao gồm tất cả các yếu tố được nhấn mạnh trong các định nghĩa trên và ngoài ra còn nhiều yếu tố khác nữa. Từ những đặc điểm chung thống nhất có thể nêu một định nghĩa được nhiều người chấp nhận như sau:

Đầu tư XDCB là một hoạt động kinh tế đưa các loại nguồn vốn để sử dụng vào xây dựng cơ bản nhằm mục đích sinh lợi.

Dự án đầu tư: Mục tiêu của đầu tư có thể thực hiện được thông qua các dự án đầu tư. Theo quan điểm phổ biến hiện nay thì dự án đầu tư là một tập hợp những đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định. Một dự án đầu tư bao gồm bốn vấn đề chính sau đây:

-Mục tiêu của dự án: Bao gồm mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài. Đó chính là sự tăng trưởng phát triển về số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ hay các lợi ích kinh tế xã hội khác cho chủ đầu tư hoặc các chủ thể xã hội khác.

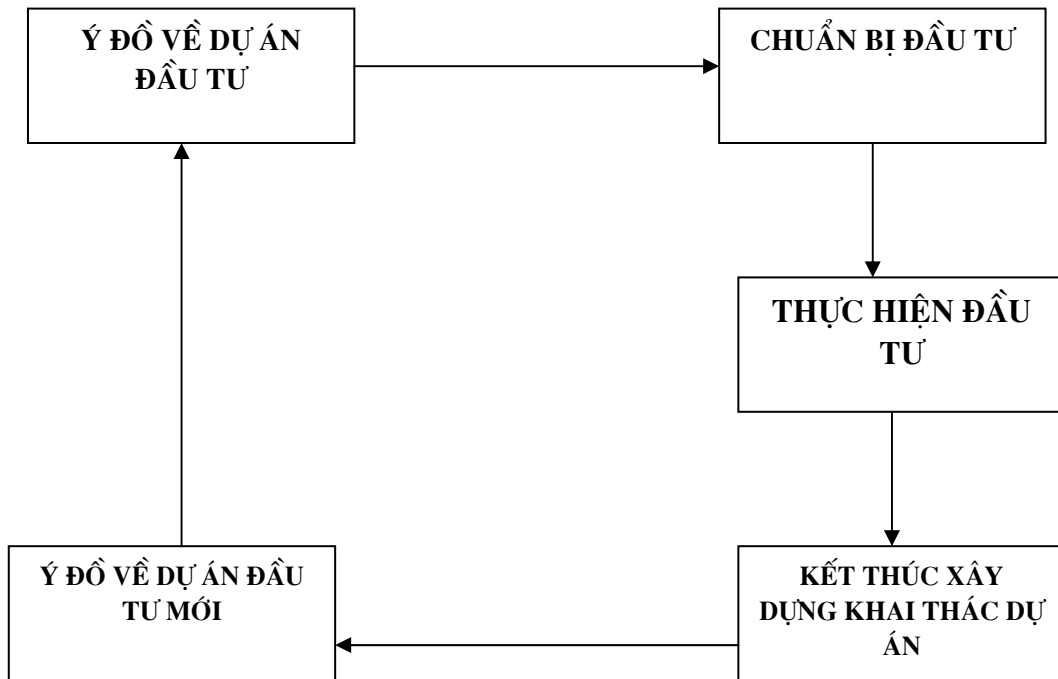
-Các kết quả: Đó là các kết quả cụ thể, có thể định lượng được, được tạo ra từ các hoạt động khác nhau của dự án. Đây là điều kiện cần thiết để thực hiện được các mục tiêu của dự án.

-Các hoạt động của dự án: Là những nhiệm vụ hoặc hành động được thực hiện trong khuôn khổ dự án để tạo ra các kết quả nhất định. Những nhiệm vụ hoặc hành động này gắn với một thời gian biểu và trách nhiệm cụ thể của các bộ phận thực hiện sẽ tạo thành kế hoạch làm việc của dự án.

-Các nguồn lực của dự án: Đó chính là các nguồn lực về vật chất, tài chính và con người cần thiết để tiến hành các hoạt động dự án. Các nguồn lực này được biểu hiện dưới dạng giá trị chính là vốn đầu tư của dự án

Trình tự của dự án đầu tư là các bước hoặc các giai đoạn mà một dự án phải trải qua bắt đầu từ khi hình thành ý đồ về dự án đầu tư đến khi chấm dứt hoàn toàn các công việc của dự án. Trình tự này được biểu diễn dưới sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Trình tự của dự án đầu tư



Việc phân loại dự án đầu tư có ý nghĩa quan trọng trong quản lý dự án, đặc biệt là đối với các cơ quan quản lý Nhà nước. Tùy theo tính chất của dự án và quy mô đầu tư, dự án đầu tư trong nước được phân chia theo Nghị định 52/1999/CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng. Theo đó người ta phân chia dự án đầu tư theo 3 nhóm A,B,C để phân cấp quản lý. Đặc trưng của mỗi nhóm được qui định cụ thể như sau:

Bảng 1: Phân loại dự án đầu tư

STT	LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ	TỔNG MỨC VỐN ĐẦU TƯ
I.	NHÓM A	
1.	Các dự án thuộc phạm vi bảo vệ an ninh, quốc phòng có tính bảo mật quốc gia, có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng, thành lập và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp mới.	Không kể mức vốn.
2.	Các dự án: sản xuất chất độc hại, chất nổ không phụ thuộc vào quy mô vốn đầu tư.	Không kể mức vốn đầu tư.
3.	Các dự án: công nghiệp điện, khai thác dầu khí, chế biến dầu khí, hoá chất, phân bón, chế tạo máy (bao gồm cả mua và đóng tàu, lắp ráp ô tô), xi măng, luyện kim, khai thác, chế biến khoáng sản; các dự án giao thông: cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ.	Trên 600 tỷ đồng
4.	Các dự án: thủy lợi, giao thông (khác ở điểm I.3), cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật điện, sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, tin học, hoá dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí khác, sản xuất vật liệu, bưu chính viễn thông, BOT trong nước, xây dựng khu nhà ở, đường giao thông nội thị thuộc các khu đô thị đã có quy hoạch chi tiết được duyệt.	Trên 400 tỷ đồng
5.	Các dự án: hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới; các dự án: công nghiệp nhẹ, sành, sứ, thủy tinh, in; vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, mua sắm thiết bị xây dựng, sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm sản.	Trên 300 tỷ đồng
6.	Các dự án: y tế, văn hoá, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng, kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác.	Trên 200 tỷ đồng
II.	NHÓM B	
1.	Các dự án: công nghiệp điện, dầu khí, hoá chất, phân bón, chế tạo máy (bao gồm cả mua và đóng tàu, lắp ráp ô tô), xi măng, luyện kim, khai	Từ 30 đến 600 tỷ đồng

	thác, chế biến khoáng sản; các dự án giao thông: cầu, cảng biển, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ.	
2.	Các dự án: thủy lợi, giao thông (khác ở điểm II.1), cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật điện, sản xuất thiết bị thông tin, điện tử, tin học, hoá dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí khác, sản xuất vật liệu, bưu chính viễn thông, BOT trong nước, xây dựng khu nhà ở, trường phổ thông, đường giao thông nội thị thuộc các khu đô thị đã có quy hoạch chi tiết được duyệt.	Từ 20 đến 400 tỷ đồng
3.	Các dự án: hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới; các dự án: công nghiệp nhẹ, sành, sứ, thủy tinh, in; vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, thiết bị xây dựng, sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm sản.	Từ 15 đến 300 tỷ đồng
4.	Các dự án: y tế, văn hoá, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng, kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác.	Từ 7 đến 200 tỷ đồng
III.	NHÓM C	
1.	Các dự án: công nghiệp điện, dầu khí, hoá chất, phân bón, chế tạo máy (bao gồm cả mua và đóng mới tàu, lắp ráp ô tô), xi măng, luyện kim, khai thác, chế biến khoáng sản; các dự án giao thông: cầu, cảng biển, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ, các trường phổ thông nằm trong quy hoạch (không kể mức vốn).	Dưới 30 tỷ đồng
2.	Các dự án: thủy lợi, giao thông (khác ở điểm III.1), cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật, kỹ thuật điện, điện tử, tin học, hoá dược, thiết bị y tế, công trình cơ khí khác, sản xuất vật liệu, bưu chính viễn thông, BOT trong nước, xây dựng khu nhà ở, trường phổ thông, đường giao thông nội thị thuộc các khu đô thị đã có quy hoạch chi tiết được duyệt.	Dưới 20 tỷ đồng
3.	Các dự án: hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị mới; các dự án: công nghiệp nhẹ, sành, sứ, thủy tinh, in; vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, thiết bị xây dựng, sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm sản.	Dưới 15 tỷ đồng
4.	Các dự án: y tế, văn hoá, giáo dục, phát thanh, truyền hình, xây dựng dân dụng, kho tàng, du lịch, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học và các dự án khác.	Dưới 7 tỷ đồng
<p><i>Ghi chú:</i></p> <p>1. Các dự án nhóm A về đường sắt, đường bộ phải được phân đoạn theo chiều dài đường, cấp đường, cầu, theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>2. Các dự án xây dựng trụ sở, nhà làm việc của cơ quan nhà nước phải thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>		

Nguồn: Nghị định 52/1999/CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng phân chia các quy mô dự án đầu tư

Vốn đầu tư.

Trong cơ chế thị trường, để khai thác và phát huy đầy đủ các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, khái niệm vốn được mở rộng về phạm vi và có các đặc trưng cơ bản sau đây:

- Vốn được biểu hiện bằng giá trị nghĩa là vốn phải đại diện cho một loại giá trị hàng hóa, dịch vụ, một loại giá trị hàng hóa nhất định. Vốn là đại diện về mặt giá trị cho những tài sản hoạt động được dùng vào mục đích đầu tư kinh doanh để sinh lời. Tài sản có nhiều loại: Hữu hình, vô hình, những tài sản nếu được giá trị hoá và đưa vào đầu tư thì được gọi là vốn đầu tư.

- Vốn được biểu hiện bằng tiền, nhưng không phải tất cả mọi nguồn tiền đều là vốn. Tiền chỉ biến thành vốn khi nó được sử dụng vào mục đích đầu tư hoặc kinh doanh. Tiền tiêu dùng hàng ngày, tiền dự trữ không có khả năng sinh lời không phải là vốn.

- Trong nền kinh tế thị trường, vốn là loại hàng hóa song nó là một loại hàng hóa đặc biệt. Nó có điểm giống các loại hàng hóa khác là có chủ sở hữu nhất định về vốn, người chủ sở hữu vốn chỉ chuyển quyền sử dụng vốn trong một thời gian nhất định. Chính nhờ sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn đã làm cho vốn có khả năng lưu thông và sinh lời.

- Vốn không chỉ là biểu hiện bằng tiền của các tài sản vật chất mà còn là của các dạng tiềm năng và lợi thế vô hình. Tiềm năng và lợi thế vô hình chính là một nguồn vốn to lớn, cần phải được huy động tích cực hơn nữa cho chu trình vận động của nền kinh tế. Nếu không "giá trị hóa" được nó, rõ ràng nó không thể trực tiếp phục vụ cho phát triển kinh tế mà còn chỉ

là vốn ở dạng "tiềm năng" mà thôi. Do đặc điểm trên, vốn có thể phân thành 4 loại:

- *Vốn tài chính* đây là khoản tiền còn lại của thu nhập sau khi đã sử dụng cho mục đích tiêu dùng thường xuyên. Nguồn vốn tài chính có thể được hình thành trong nước hoặc nước ngoài. Nguồn vốn tài chính được chia thành nguồn tiết kiệm của tư nhân và tiết kiệm của Chính phủ.

- *Vốn nhân lực* là tài sản quý giá nhất của một quốc gia, vì con người là động lực của sự phát triển. Con người không chỉ tàng trữ sức lao động mà còn là đối tượng hưởng lợi ích của kết quả đầu tư. Do đó phát triển nguồn lực phải kết hợp với kế hoạch hóa dân số. Nếu nhân lực tăng quá nhanh sẽ là sức ép của giải quyết việc làm, đồng thời làm giảm hiệu quả đầu tư.

- *Tài nguyên thiên nhiên* hầu hết các dạng, các loại thiên nhiên đều có giá. Đây là một nguồn vốn quan trọng của một quốc gia, cần khai thác, sử dụng một cách hợp lý.

- *Vốn vô hình* nguồn vốn này được thể hiện qua khoa học và công nghệ như các sản phẩm sáng tạo của con người, các phát minh khoa học, kiểu dáng công nghệ... và các nguồn vô hình khác như vị trí địa lý thuận lợi của một quốc gia, các ngành nghề truyền thống v.v...

Như vậy vốn đầu tư là tiền tích lũy của xã hội, của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, là tiền tiết kiệm của dân cư và vốn huy động từ các nguồn khác được đưa vào sử dụng trong quá trình tái sản xuất xã hội nhằm duy trì tiềm lực sẵn có và tạo tiềm lực mới cho nền sản xuất xã hội.

1.1.1.2 Vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Đầu tư XDCB có vai trò quyết định trong việc tạo ra cơ sở vật chất, kỹ thuật cho xã hội, là nhân tố quyết định làm thay đổi cơ cấu kinh tế quốc dân mỗi nước, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển nền kinh tế đất nước. Đặc

trung của xây dựng cơ bản là một ngành sản xuất vật chất đặc biệt có những đặc điểm riêng khác với những ngành sản xuất vật chất khác. Sản phẩm xây dựng cũng có đặc điểm riêng, khác với sản phẩm hàng hoá của các ngành sản xuất vật chất khác và vốn đầu tư xây dựng cơ bản cũng có những đặc trưng riêng khác với vốn kinh doanh của các ngành khác.

Trong bất kỳ xã hội nào cũng đều phải có cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng, việc bảo đảm tính tương ứng này chính là nhiệm vụ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Như vậy muốn có nền kinh tế phát triển thì điều kiện trước tiên và cần thiết là phải tiến hành các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Xây dựng cơ bản xét về bản chất nó là ngành sản xuất vật chất có chức năng tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng các tài sản cố định có tính chất sản xuất và phi sản xuất thông qua hình thức xây dựng mới, xây dựng lại hay hiện đại hoá và khôi phục lại tài sản đã có, vì thế để tiến hành được các hoạt động này thì cần phải có nguồn lực hay còn gọi là vốn.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản gọi tắt là vốn cơ bản là tổng chi phí bằng tiền để tái sản xuất tài sản cố định có tính chất sản xuất hoặc phi sản xuất.

Theo điều 5 Điều lệ quản lý XDCCB kèm theo Nghị định 385-HĐBT ngày 07/11/1990 thì: “ Vốn đầu tư XDCCB là toàn bộ chi phí để đạt được mục đích đầu tư, bao gồm chi phí cho việc khảo sát, quy hoạch xây dựng, chuẩn bị đầu tư, chi phí về thiết kế và xây dựng, chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị và các chi phí khác ghi trong tổng dự toán.

Cơ chế huy động, quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn đầu tư XDCCB

Nguồn vốn đầu tư XDCCB có thể tóm tắt bởi biểu thức sau:

$$S = S_{TN} + S_{NN} = (S_1 + S_2) + (S_3 + S_4 + S_5)$$

Trong đó:

S = Tổng lượng vốn có thể huy động

S_{TN} = Nguồn vốn trong nước.

+ S_1 = Nguồn vốn đầu tư của Chính Phủ

+ S_2 = Nguồn vốn đầu tư của tư nhân

S_{NN} = Nguồn vốn nước ngoài

+ S_3 = Viện trợ hoàn lại của Chính Phủ và phi Chính Phủ.

+ S_4 = Nguồn vốn vay của tư nhân của quốc gia khác

+ S_5 = Nguồn vốn vay của tư nhân của quốc gia khác.

Nhu cầu vốn đầu tư XDCB là rất lớn, cần có cơ chế để giải quyết nguồn huy động vốn trong điều kiện nền kinh tế còn thiếu vốn đầu tư. Phải kết hợp huy động vốn từ các nguồn vốn ngoài nước. Tự do hoá việc giao lưu các nguồn vốn trong quá trình đầu tư XDCB, kích thích sự hình thành thị trường vốn, đặc biệt là thị trường chứng khoán. Đối với cơ chế quản lý vốn đầu tư XDCB cần phải kiểm soát quá trình đầu tư XDCB bằng pháp luật. Hoàn chỉnh các cơ chế về vay vốn đầu tư, sử dụng vốn đầu tư, trả nợ và thu hồi vốn đầu tư. Trong việc giao vốn và bảo toàn vốn đầu tư cần giải quyết việc bảo toàn và phát triển vốn dưới cả hai hình thức giá trị lẫn hiện vật, phải gắn chế độ khấu hao nhanh để đẩy nhanh tốc độ đổi mới kỹ thuật và công nghệ.

Trong cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn đầu tư XDCB cần làm rõ những định hướng đầu tư chủ yếu theo từng loại nguồn vốn, đồng thời đề ra các định chế thu hồi vốn, quy rõ trách nhiệm cho các chủ đầu tư cũng như các cơ quan quản lý Nhà nước và Ngân hàng trong vấn đề cấp phát và thanh toán nguồn vốn đầu tư, mối quan hệ giữa các tổ chức tài chính và ngân hàng với chủ đầu tư.

1.1.2 Phân loại vốn đầu tư xây dựng cơ bản

1.1.2.1 Căn cứ vào nguồn hình thành vốn đầu tư XD CB

Căn cứ vào nguồn hình thành vốn đầu tư XD CB bao gồm các nguồn sau:

- Vốn ngân sách nhà nước
- Vốn tín dụng đầu tư
- Vốn đầu tư XD CB tự có của các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế
- Vốn hợp tác liên doanh với nước ngoài
- Vốn vay nước ngoài
- Vốn ODA
- Vốn huy động từ nhân dân

1.1.2.2 Căn cứ vào quy mô và tính chất của dự án đầu tư

Theo điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng, tùy thuộc vào tính chất và quy mô các dự án đầu tư được phân thành 3 nhóm A, B, C (Theo phụ lục của những điều sửa đổi bổ sung Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng theo nghị định 92/CP ngày 23/08/1997)

1.1.2.3 Căn cứ theo góc độ tái sản xuất tài sản cố định

Ở đây phân ra:

- Vốn đầu tư xây dựng mới (Xây dựng, mua sắm tài sản cố định mới do nguồn vốn trích từ lợi nhuận)
- Vốn đầu tư nâng cấp, cải tạo sửa chữa (Thay thế tài sản đã hết niên hạn sử dụng từ nguồn vốn khấu hao). Ở đây có thể kết hợp với cải tạo và hiện đại hoá tài sản cố định

1.1.2.4 Căn cứ vào chủ đầu tư

Ở đây phân ra:

-Chủ đầu tư là Nhà nước (ví dụ đầu tư cho các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội do vốn của Nhà nước)

-Chủ đầu tư là các doanh nghiệp (quốc doanh và phi quốc doanh, độc lập và liên doanh, trong nước và ngoài nước).

-Chủ đầu tư là các cá thể riêng lẻ.

1.1.2.5 Căn cứ vào cơ cấu đầu tư

-Vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các ngành kinh tế (các ngành cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV)

-Vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các địa phương và vùng lãnh thổ

-Vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo các thành phần kinh tế.

1.1.2.6 Căn cứ theo thời đoạn kế hoạch

-Vốn đầu tư XD CB ngắn hạn (Dưới 5 năm)

-Vốn đầu tư xây dựng cơ bản trung hạn (Từ 5 đến 10 năm)

-Vốn đầu tư xây dựng cơ bản dài hạn (Từ 10 năm trở lên)

1.2. Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản

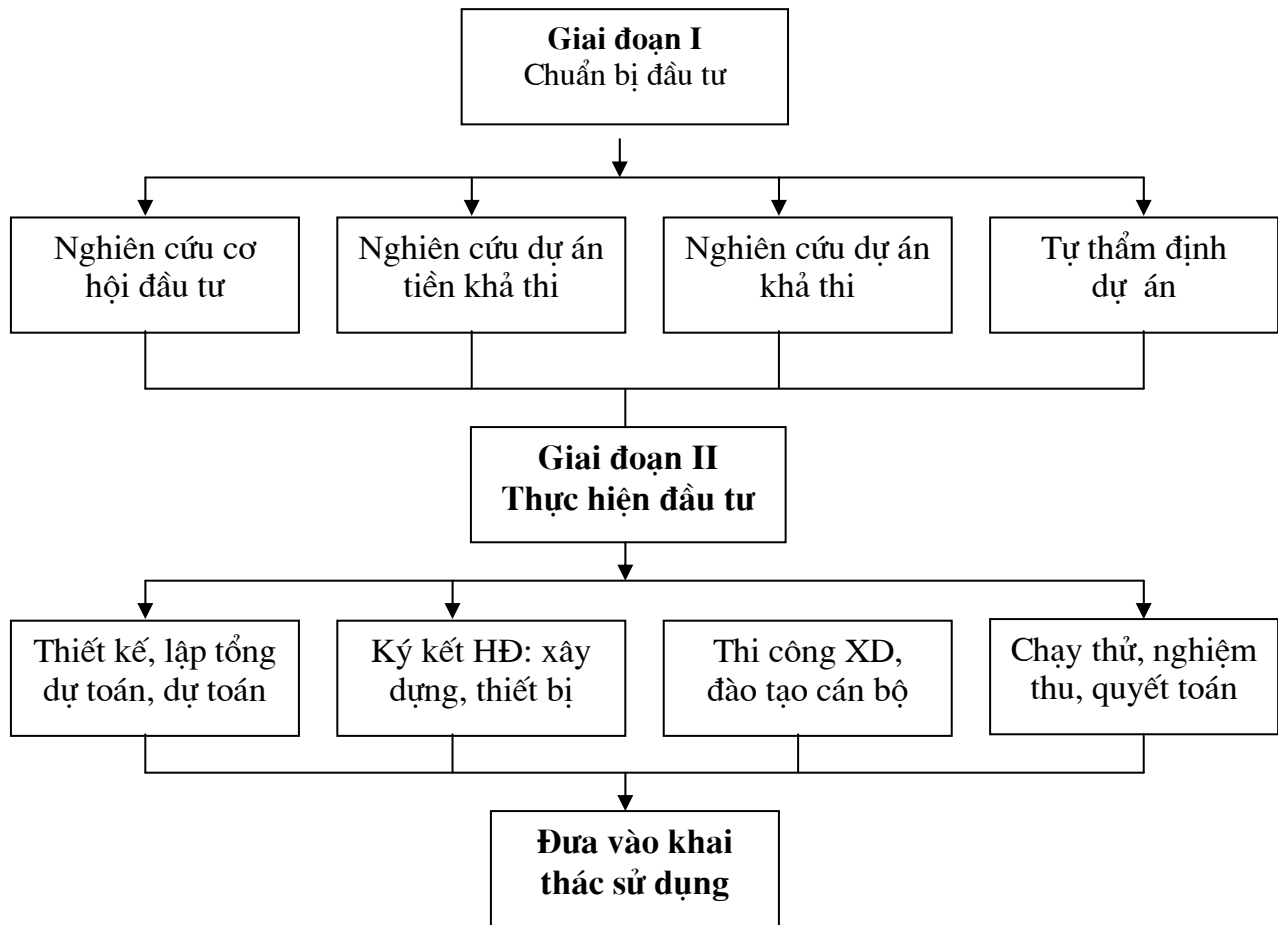
1.2.1 Quy trình quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản

1.2.1.1 Quy trình đầu tư và xây dựng

Quản lý đầu tư và xây dựng là quản lý Nhà nước về quá trình đầu tư và xây dựng từ bước xác định dự án đầu tư để thực hiện đầu tư và cả quá trình đưa dự án đưa vào khai thác, sử dụng đạt mục tiêu đã định. Đối với việc quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản cần phải theo dõi sát sao và nắm chắc

được trình tự đầu tư và xây dựng. Trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt trình tự thực hiện dự án đầu tư bao gồm 8 bước công việc, phân theo hai giai đoạn theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2: Trình tự thực hiện dự án đầu tư



Qua sơ đồ trên cho thấy:

Nội dung công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư bao gồm:

- Nghiên cứu về sự cần thiết phải đầu tư và quy mô đầu tư.
- Tiến hành thăm dò, xem xét thị trường để xác định nhu cầu tiêu thụ; tìm nguồn cung ứng thiết bị, vật tư cho sản xuất, xem xét khả năng về nguồn vốn đầu tư và lựa chọn hình thức đầu tư.

- Tiến hành điều tra, khảo sát và chọn địa điểm xây dựng.
- Lập dự án đầu tư.
- Gửi hồ sơ dự án và văn bản trình đến cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư, tổ chức cho vay vốn đầu tư và cơ quan có chức năng thẩm định dự án đầu tư.

Nội dung công việc ở giai đoạn thực hiện dự án bao gồm:

- Xin giao đất hoặc thuê đất theo quy định của Nhà nước (bao gồm cả mặt nước, mặt biển, thêm lục địa).
- Chuẩn bị mặt bằng xây dựng.
- Tuyển chọn tư vấn khảo sát, thiết kế, giám định kỹ thuật và chất lượng công trình.
- Phê duyệt, thẩm định thiết kế và tổng dự toán, dự toán hạng mục công trình.
- Tổ chức đấu thầu thi công xây lắp, cung ứng thiết bị.
- Xin giấy phép xây dựng và giấy phép khai thác tài nguyên (nếu có).
- Ký kết hợp đồng kinh tế với nhà thầu đã trúng thầu.
- Thi công xây lắp công trình.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng.

Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về trình tự nêu trên là cơ sở để khắc phục những khó khăn, tồn tại do đặc điểm riêng có của hoạt động đầu tư XDCCB gây ra. Vì vậy, những quy định về trình tự, đầu tư xây dựng có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến chất lượng công trình, chi phí xây dựng công trình trong quá trình thi công xây dựng và tác động của công trình sau khi hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng đối với nền kinh tế của vùng, của khu vực

cũng như đối với cả nước. Do đó, việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng có ảnh hưởng rất lớn vì có tính chất quyết định không những đối với chất lượng công trình, dự án đầu tư mà còn có thể gây ra những lãng phí, thất thoát, tạo sơ hở cho tham nhũng về vốn và tài sản trong hoạt động đầu tư, xây dựng. Từ đó làm tăng chi phí xây dựng công trình, dự án, hiệu quả đầu tư thấp.

Như vậy, việc thực hiện nghiêm túc trình tự đầu tư và xây dựng là một đặc trưng cơ bản trong hoạt động đầu tư, có tác động trực tiếp và gián tiếp như những nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng lãng phí, thất thoát, tham nhũng trong hoạt động đầu tư. Vì vậy, ở mỗi giai đoạn của quá trình đầu tư cần phải có giải pháp quản lý thích hợp để ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực gây ra lãng phí, thất thoát, tham nhũng có thể xảy ra.

1.2.1.2 Quy trình quản lý vốn đầu tư XD CB.

a) Quản lý vốn đầu tư XD CB ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, lập dự toán đầu tư

Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư cần tập trung quản lý tổng chi phí của công trình xây dựng thể hiện bằng chỉ tiêu tổng mức đầu tư. Tổng mức đầu tư là tổng chi phí dự tính để thực hiện toàn bộ quá trình đầu tư và xây dựng, và là giới hạn chi phí tối đa của dự án được xác định trong quyết định đầu tư.

Các chỉ tiêu chính dùng để xác định tổng mức đầu tư:

- Chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng cơ bản.
- Giá chuẩn của các công trình và hạng mục công trình xây dựng thông dụng.
- Đơn giá dự toán tổng hợp.
- Mặt bằng giá thiết bị của thị trường cung ứng máy móc thiết bị hoặc giá thiết bị tương tự đã được đầu tư.

- Các chi phí khác tính theo tỷ lệ % quy định của Nhà nước (thuế, chi phí lập và thẩm định dự án đầu tư.v.v.)

b) Quản lý vốn đầu tư XDCB ở giai đoạn thực hiện đầu tư.

-Trong giai đoạn thực hiện đầu tư, quản lý vốn đầu tư XDCB tập trung vào việc quản lý giá xây dựng công trình được biểu thị bằng chỉ tiêu: Tổng dự toán công trình, dự toán hạng mục công trình và các loại công tác xây lắp riêng biệt.

Tổng dự toán công trình là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án được tính toán cụ thể ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công. Tổng dự toán công trình bao gồm: chi phí xây lắp (G_{XL}), chi phí thiết bị (G_{TB}) (gồm thiết bị công nghệ, các loại thiết bị phi tiêu chuẩn cần sản xuất gia công (nếu có) và các trang thiết bị khác phục vụ cho sản xuất, làm việc, sinh hoạt), chi phí khác (G_K) và chi phí dự phòng (G_{DP}) (bao gồm cả yếu tố trượt giá và chi phí tăng thêm do khối lượng phát sinh)

$$\text{Tổng dự toán công trình} = G_{XL} + G_{TB} + G_K + G_{DP}$$

Trong đó: G_{XL} - Chi phí xây lắp công trình

G_{TB} - Chi phí mua sắm thiết bị.

G_K - Chi phí khác.

G_{DP} - Chi phí dự phòng.

-Quản lý việc giải ngân vốn đầu tư XDCB theo tiến độ thi công công trình, đây là nhân tố quan trọng đảm bảo công trình thi công đúng tiến độ.

-Theo dõi kiểm soát chi phí phát sinh trong qua trình thi công

c) Quản lý vốn đầu tư XDCB ở giai đoạn kết thúc đưa dự án vào khai thác sử dụng.

Nội dung công việc phải thực hiện khi kết thúc xây dựng bao gồm:

- Nghiệm thu, bàn giao công trình.
- Thực hiện việc kết thúc xây dựng công trình.
- Vận hành công trình và hướng dẫn sử dụng công trình.
- Bảo hành công trình.
- Quyết toán vốn đầu tư.
- Phê duyệt quyết toán.

Tất cả các dự án đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu, quyết toán đưa dự án vào khai thác sử dụng chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm quyết toán vốn đầu tư, hoàn tất các thủ tục thẩm tra trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành của Nhà nước. Kết quả phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình, dự án hoàn thành trong mọi hình thức: đấu thầu, hay chỉ định thầu, hoặc tự làm đều không được vượt tổng dự toán công trình và tổng mức đầu tư đã được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt.

1.2.2 Nội dung quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản

1.2.2.1 Những yêu cầu đặt ra trong quản lý vốn đầu tư XD CB.

Công tác giải ngân vốn đầu tư XD CB phải tuân theo những nguyên tắc nhất định:

-Việc giải ngân vốn đầu tư XD CB phải trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh trình tự dự án đầu tư và xây dựng, nguyên tắc này đảm bảo tính kế hoạch và hiệu quả của vốn đầu tư XD CB

-Phải đảm bảo đúng mục đích, đúng kế hoạch. Tức là chỉ được cấp vốn cho việc thực hiện đầu tư XD CB các dự án và việc giải ngân đó phải đảm bảo đúng kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt.

-Vốn đầu tư XDCB phải được thực hiện theo đúng mức độ thực tế hoàn thành kế hoạch trong phạm vi giá trị dự toán được duyệt. Điều này nhằm đảm bảo việc giải ngân đúng mục đích, đúng giá trị của công trình.

-Việc giải ngân vốn đầu tư XDCB phải thực hiện việc kiểm tra kiểm soát bằng đồng tiền đối với các hoạt động sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kiểm tra bằng đồng tiền bao trùm toàn bộ chu kỳ đầu tư bắt đầu từ giai đoạn kế hoạch hoá đầu tư và kết thúc bằng việc sử dụng Tài sản cố định đã được tạo ra và được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc giải ngân vốn đầu tư XDCB. Thực hiện nguyên tắc này nhằm thúc đẩy việc sử dụng vốn hợp lý, đúng mục đích, hoàn thành kế hoạch và đưa công trình vào sử dụng

1.2.2.2 Hệ thống căn cứ làm cơ sở cho hoạt động quản lý vốn đầu tư XDCB

Đơn giá, định mức XDCB là những cơ sở quan trọng trong quản lý vốn đầu tư XDCB. Chúng là căn cứ để xây dựng dự toán, cấp phát thu hồi tạm ứng, thanh quyết toán công trình XDCB hoàn thành□

Đơn giá XDCB là chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp quy định chi phí cần thiết hợp lý trên cơ sở tính đúng, tính đủ các hao phí về vật liệu, nhân công và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác hoặc một kết cấu xây lắp tạo nên công trình

Các đơn giá gồm 3 loại sau:

-Đơn giá XDCB tổng hợp: Là đơn giá do cơ quan quản lý xây dựng ở Trung ương ban hành cho các loại công tác hoặc kết cấu xây lắp, bộ phận nhà và công trình được xây dựng trên cơ sở định mức dự toán XDCB tổng hợp và điều kiện sản xuất, cung ứng vật liệu trong từng vùng lớn.

-Đơn giá XDCB khu vực thống nhất: Là đơn giá các công tác hoặc kết cấu xây lắp bình quân chung của các công trình xây dựng tại các khu vực nhất định có điều kiện sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng giống nhau

hoặc tương tự như nhau mà giá vật liệu đến hiện trường xây lắp chênh lệch nhau không nhiều

-Đơn giá XDCB cho các công trình riêng biệt: là đơn giá XDCB được xây dựng riêng cho từng công trình có yêu cầu kỹ thuật, điều kiện biện pháp thi công đặc biệt, cũng như điều kiện sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng của khu vực đơn giá thống nhất. Công trình đặc biệt của cấp nào thì cấp đó ban hành đơn giá.

Về nội dung của đơn giá XDCB là các khoản mục hình thành nên đơn giá bao gồm chi phí vật liệu, chi phí nhân công và chi phí máy thi công cho một đơn vị công tác hay kết cấu xây lắp. Trong đó:

-Chi phí vật liệu là chi phí (tính đến hiện trường xây lắp) của các vật liệu chính, vật liệu phụ, vật liệu luân chuyển, phụ tùng, bán thành phẩm cần thiết để tạo nên một đơn vị khối lượng công tác hoặc kết cấu xây lắp (không bao gồm các chi phí của vật liệu để tính trong chi phí chung và chi phí sử dụng máy thi công)

-Chi phí nhân công là tổng các khoản chi phí được dùng để trả thù lao cho toàn bộ lực lượng lao động tham gia thực hiện dự án. Nó bao gồm cả quỹ tiền lương, tiền thưởng, các loại bảo hiểm, trợ cấp cho người lao động và các khoản chi phí liên quan tới việc phát triển, bồi dưỡng nhân lực.

-Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm các khoản chi để thuê các thiết bị từ bên ngoài và các khoản khấu hao, các chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, các chi phí cho nhiên liệu, phụ tùng phục vụ quá trình làm việc của máy móc.

Định mức là mức hao phí lao động trung bình tiên tiến cần thiết cho một đơn vị khối lượng công tác, một bộ phận công trình hay một nhóm công việc để người sản xuất hoàn thành khối lượng công tác, bộ phận công trình

hay nhóm công việc theo thiết kế được duyệt và trong những điều kiện làm việc xác định.

Đối với mỗi loại định mức được trình bày tóm tắt thành phần công việc, điều kiện kỹ thuật, điều kiện thi công được xác định đơn giá tính phù hợp để thực hiện công tác xây lắp đó. Định mức dự toán cho mỗi loại công việc bao gồm 3 nội dung:

-Mức hao phí vật liệu: Quy định về số lượng vật liệu chính, phụ, các cấu kiện hoặc các chi tiết, vật liệu luân chuyển cần cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công tác xây lắp

-Mức hao phí lao động

-Mức hao phí máy thi công

1.2.2.3. Các giá trị dự toán trong dự án đầu tư

Hoạt động quản lý vốn đầu tư XDCCB là hoạt động hết sức phức tạp, bao gồm nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Vì vậy để làm tốt công tác quản lý vốn đầu tư XDCCB đòi hỏi phải có những phương pháp quản lý khoa học mà trong đó việc lập và thực hiện các kế hoạch tài chính là có tính chất bắt buộc. Các giá trị dự toán trong dự án đầu tư chính là cơ sở quan trọng để lập, triển khai các kế hoạch tài chính thực hiện công tác quản lý vốn đầu tư XDCCB. Thông thường người ta cần lập một số loại dự toán sau:

Dự toán vốn đầu tư XDCCB công trình dùng để lập kế hoạch tài chính về nhu cầu vốn đầu tư theo các nguồn vốn. Vốn đầu tư XDCCB công trình là toàn bộ hao phí lao động xã hội trung bình cần thiết mà chủ đầu tư bỏ ra để xây dựng công trình. Cụ thể nó chính là toàn bộ số vốn cần thiết phải bỏ ra, vốn đầu tư XDCCB công trình bao gồm:

+Vốn đầu tư xây lắp: Gồm các chi phí để xây lắp công trình và lắp đặt thiết bị vào công trình.

+Vốn thiết bị: Gồm các chi phí mua sắm máy móc thiết bị sản xuất cho công trình

+Vốn kiến thiết cơ bản khác: bao gồm toàn bộ các chi phí kiến thiết cơ bản khác được tính và không được tính vào giá trị công trình để đăng ký tài sản cố định.

1.2.2.4 Quản lý chi phí, tạm ứng và thanh toán khối lượng XD CB hoàn thành

Như trên đã nêu, quản lý vốn đầu tư XD CB là một công việc hết sức phức tạp vì mỗi dự án đầu tư bao gồm nhiều công việc, hoạt động khác nhau. Nội dung các hoạt động lại cũng rất đa dạng. Quản lý vốn đầu tư XD CB phải được thực hiện đối với từng hoạt động hay từng hạng mục của dự án công trình.

Công tác quản lý chi phí bao gồm:

- Quản lý chi phí xây lắp:

Cần kiểm tra, giám sát việc áp dụng các định mức, đơn giá đảm bảo đúng các qui định về thành phần công việc, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công, đối với các qui định hướng dẫn điều chỉnh định mức, đơn giá dự toán và các chế độ trong quản lý XD CB của Nhà nước và địa phương, cần chú ý tới thời hạn hiệu lực của văn bản.

-Quản lý chi phí thiết bị:

Trước hết cần quản lý danh mục thiết bị, số lượng, chủng loại, công suất, các chỉ tiêu kỹ thuật□đảm bảo đúng nội dung đầu tư thiết bị trong dự án đã được duyệt. Tiếp đó, cần giám sát, theo dõi chặt chẽ để đảm bảo rằng

các máy móc, thiết bị này được sử dụng đúng mục đích, được khai thác và tận dụng một cách có hiệu quả.

Theo tiến độ của dự án, việc tiếp nhận và sử dụng vốn tạm ứng được thực hiện cho các đối tượng là khối lượng xây lắp thực hiện, chi phí thiết bị và các chi phí khác của dự án. Trường hợp dự án đầu tư thực hiện theo phương thức đấu thầu thì đối tượng chính là dự án đầu tư. Ba trường hợp được quy định là:

-Đối với các khối lượng xây lắp thực hiện đấu thầu: Việc tiếp nhận và sử dụng vốn tạm ứng căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu, hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư và đơn vị trúng thầu, giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của đơn vị trúng thầu.

-Đối với chi phí thiết bị: Vốn tạm ứng được sử dụng để trả tiền đặt cọc, mở L/C, thanh toán theo tiến độ đã được xác định trong hợp đồng

-Đối với chi phí khác: Mức tạm ứng nhiều nhất không vượt quá kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho công việc khác

Việc thanh toán khối lượng XDCCB đã hoàn thành được xem xét trong các trường hợp sau:

-Đối với khối lượng công tác xây lắp: Phải căn cứ vào định mức dự toán của từng loại công tác, mức giá vật liệu được công bố từng tháng của địa phương và những thay đổi giá ca máy hoặc tiền lương tại thời điểm thi công khối lượng công tác xây lắp đó để xác định đơn giá XDCCB phù hợp với mặt bằng giá tại thời điểm đó hoặc dùng phương pháp bù trừ chênh lệch giá của khối lượng công tác xây lắp hoàn thành được thanh toán.

-Đối với thanh toán thiết bị: Khối lượng thiết bị được thanh toán là khối lượng thiết bị đã nhập kho chủ đầu tư (đối với thiết bị không cần lắp),

hoặc đã lắp đặt xong và được nghiệm thu (đối với thiết bị cần lắp đặt) và thỏa mãn các điều kiện để được nghiệm thu.

-Thanh toán chi phí kiến thiết cơ bản khác: Việc thanh toán chi phí kiến thiết cơ bản khác được thực hiện khi có đủ các căn cứ chứng minh công việc đã được thực hiện.

1.2.2.5. Quyết toán vốn đầu tư công trình XD CB hoàn thành

Việc quyết toán vốn đầu tư công trình XD CB hoàn thành có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý vốn đầu tư XD CB, thể hiện ở chỗ:

-Việc xác định đầy đủ và chính xác tổng mức vốn đã đầu tư xây dựng công trình, vốn đầu tư chuyển thành tài sản cố định, tài sản lưu động hoặc chi phí không chuyển thành tài sản của công trình là cơ sở xác định trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ quản đầu tư trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư XD CB

-Qua quyết toán vốn đầu tư XD CB có thể xác định rõ được số lượng chất lượng, năng lực sản xuất và giá trị TSCĐ mới tăng do đầu tư mang lại để có kế hoạch huy động, sử dụng kịp thời và phát huy hiệu quả của công trình XD CB đã hoàn thành.

-Thông qua việc quyết toán đánh giá kết quả quá trình đầu tư XD CB, các bên liên quan, đặc biệt là chủ đầu tư, có thể rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư phù hợp với tình hình hiện nay.

Phạm vi, đối tượng lập quyết toán bao gồm:

-Tất cả các công trình đầu tư XD CB, không phân biệt quy mô, hình thức xây dựng, nguồn vốn đầu tư và cấp quản lý, khi hoàn thành đưa vào sản xuất, sử dụng chủ đầu tư có trách nhiệm quyết toán toàn bộ vốn đầu tư của

công trình hoàn thành với cơ quan chủ quản đầu tư và cơ quan cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư XDCB công trình.

-Nếu công trình được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn thì chủ đầu tư phải tổng quyết toán toàn bộ công trình, trong đó quyết toán riêng theo cơ cấu từng nguồn vốn đã được sử dụng đầu tư xây dựng khi bắt đầu công việc chuẩn bị đầu tư, khởi công xây dựng và đưa vào sản xuất sử dụng

-Trong quá trình xây dựng công trình, nếu từng hạng mục công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngay từ khi kết thúc xây dựng từng hạng mục đó, chủ đầu tư phải xác định đầy đủ vốn đầu tư XDCB (kể cả các khoản phân bổ có thể tính được) thành tài sản mới tăng của hạng mục công trình đó, báo cáo với cơ quan chủ quản đầu tư, cơ quan cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư để làm căn cứ thanh toán bàn giao, hạch toán và quản lý sử dụng của đơn vị nhận tài sản. Sau khi công trình hoàn thành, chủ đầu tư phải quyết toán toàn bộ công trình.

Nội dung quyết toán bao gồm:

-Xác định tổng số vốn thực tế đã đầu tư cho công trình, bao gồm: chi phí xây lắp, chi phí mua sắm thiết bị và những chi phí kiến thiết cơ bản khác.

-Xác định các khoản chi phí thiệt hại không tính vào giá trị công trình.

-Xác định tổng số vốn đầu tư thực tế tính vào công trình đầu tư: số vốn này bằng tổng số vốn thực tế đầu tư xây dựng công trình trừ đi các khoản chi phí thiệt hại không tính vào giá trị công trình.

-Xác định giá trị và phân loại TSCĐ, TSLĐ do đầu tư mang lại, trong đó:

+Vốn đầu tư được coi là chuyển thành TSCĐ theo quy định của Nhà nước bao gồm: Chi phí xây lắp, chi phí mua sắm thiết bị và các chi phí kiến thiết cơ bản khác được tính vào giá trị công trình (phân bổ cho từng TSCĐ)

+Tổng cộng giá trị của tất cả TSCĐ thuộc đối tượng nêu trên là giá trị TSCĐ của toàn bộ công trình.

+Việc phân bổ vốn chi phí kiến thiết cơ bản khác (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) cho từng TSCĐ được thể hiện theo nguyên tắc: Các chi phí liên quan trực tiếp đến TSCĐ nào thì tính trực tiếp cho TSCĐ đó, các chi phí chung liên quan đến nhiều TSCĐ của công trình thì phân bổ theo tỷ lệ vốn của TSCĐ đó chiếm trong tổng số vốn đầu tư của công trình.

-Xác định đầy đủ giá trị TSCĐ và TSLĐ của công trình XDCCB đã chuyển giao cho đơn vị khác quản lý sử dụng để hạch toán giảm vốn đầu tư cho công trình và tăng vốn cho đơn vị sử dụng.

-Để phù hợp với sự biến động của giá cả, khi kết thúc xây dựng đưa công trình vào sản xuất, sử dụng, việc quyết toán công trình phải được phản ánh theo hai giá:

+Giá thực tế của vốn đầu tư XDCCB đã sử dụng hàng năm

+Giá quy đổi về thời điểm bàn giao đưa công trình vào sản xuất sử dụng (Việc tính quy đổi theo hướng dẫn của Bộ xây dựng)

1.3. Một số chỉ tiêu đánh giá trình độ quản lý vốn đầu tư XDCCB và nhân tố ảnh hưởng tới quản lý vốn đầu tư XDCCB

1.3.1 Một số chỉ tiêu đánh giá trình độ quản lý vốn đầu tư XDCCB

1.3.1.1 Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích là tiêu chí định hướng đánh giá trình độ quản lý vốn đầu tư XDCCB.

Theo tiêu chí này, khi đánh giá việc sử dụng vốn đúng mục đích có thể sử dụng các chỉ tiêu định tính và định lượng sau đây:

1-Vốn đầu tư thực hiện theo kế hoạch: chỉ tiêu này là tỷ lệ % giữa lượng vốn đầu tư thực hiện so với mức vốn kế hoạch đã bố trí.

2- Mức độ thực hiện mục tiêu kế hoạch hiện vật và giá trị: chỉ tiêu này là tỷ lệ % so sánh giữa mức kế hoạch đạt được của từng mục tiêu so với mục tiêu kế hoạch.

3- Mức độ thực hiện mục tiêu (hiện vật và giá trị) theo nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước. Chỉ tiêu này căn cứ vào mục tiêu phấn đấu qui định trong các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Cũng như hai chỉ tiêu trên, chỉ tiêu này được xác định bằng tỷ lệ % giữa chỉ tiêu thực hiện so với chỉ tiêu quy định trong các nghị quyết.

4- Đánh giá hoạt động đầu tư theo định hướng. Đây là chỉ tiêu định tính phản ánh việc thực hiện chủ trương đầu tư, hoặc định hướng đầu tư của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ.

5- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (cơ cấu kinh tế ngành, cơ cấu kinh tế lãnh thổ, cơ cấu quản lý....). Chỉ tiêu này được thể hiện bằng tỷ trọng % của từng thành phần riêng biệt trong tổng số các thành phần của toàn hệ thống của nền kinh tế.

Những chỉ tiêu đánh giá đầu tư đúng mục đích, cũng là những chỉ tiêu đánh giá đầu tư có kết quả và hiệu quả, phản ánh việc sử dụng và quản lý vốn đầu tư trong quá trình hoạt động đầu tư ở mọi khâu, mọi nơi đều an toàn, sử dụng đúng nội dung, đúng địa chỉ. Như vậy, quản lý vốn trong hoạt động đầu tư Xây dựng cơ bản được đảm bảo.

1.3.1.2 Hệ số huy động tài sản cố định (TSCĐ)

Hệ số huy động TSCĐ là tỷ lệ % so sánh giữa giá trị TSCĐ được hình thành từ vốn đầu tư trong năm so với tổng mức vốn đầu tư trong năm:

$$\text{Hệ số huy động TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị TSCĐ hoàn thành được huy động trong năm}}{\text{Giá trị TSCĐ hoàn thành được huy động trong năm}}$$

Tổng mức vốn đầu tư trong năm

Chỉ tiêu này còn gọi là: Hệ số huy động vốn đầu tư trong năm. Về bản chất, khi xác định hệ số này phải so sánh giữa TSCĐ hình thành trong năm từ tổng mức vốn đầu tư trong năm để đầu tư tạo ra tài sản đó. Do đặc điểm sản phẩm xây dựng có quy mô lớn, thời gian xây dựng dài nên trong thực tế có độ trễ về thời gian thực hiện đầu tư kể từ khi bỏ vốn, đầu tư đến khi hoàn thành, đưa dự án, công trình vào khai thác, sử dụng. Vì vậy chỉ tiêu này không phản ánh đúng hiệu quả đầu tư của năm bỏ vốn, mà là phản ánh hiệu quả đầu tư của vài năm trước đó. Do đó, khi sử dụng chỉ tiêu này để phân tích, đánh giá hiệu quả phải sử dụng theo cả dãy thời gian. Do độ trễ và tính liên tục của đầu tư qua các năm, hệ số huy động vốn đầu tư (TSCĐ) từng năm trong cả dãy hệ số liên tục của các năm được coi là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư của năm đó.

Chỉ tiêu hệ số huy động TSCĐ (%) hàng năm là chỉ tiêu tương đối phản ánh mức độ quản lý và sử dụng vốn đầu tư được tập trung hay phân tán? Hệ số huy động TSCĐ cao phản ánh mức độ đầu tư được tập trung cao, thực hiện đầu tư dứt điểm, bám sát tiến độ xây dựng dự án, rút ngắn thời gian xây dựng, giảm chi phí quản lý trong thi công

1.3.1.3 Chỉ tiêu cơ cấu thành phần của vốn đầu tư

Tổng mức vốn đầu tư gồm có 3 thành phần: xây lắp, thiết bị, và chi phí khác (vốn kiến thiết cơ bản khác). Chỉ tiêu cơ cấu thành phần vốn đầu tư là tỷ trọng (%) từng thành phần vốn đầu tư (vốn xây lắp, vốn thiết bị, chi phí khác) trong tổng mức vốn đầu tư.

$$V_{DT} = V_{XL} + V_{TB} + V_K$$

Trong đó: V_{DT} : Tổng mức vốn đầu tư

V_{XL} : Vốn xây lắp

V_{TB} : Vốn thiết bị

V_K : Vốn kiến thiết cơ bản khác

Sử dụng chỉ tiêu này để phân tích mức độ an toàn trong quản lý vốn đầu tư XDCCB, xem xét tỷ trọng từng thành phần vốn đầu tư thực hiện (tỷ trọng xây lắp, tỷ trọng thiết bị, tỷ trọng chi phí khác) trong tổng vốn đầu tư. Qua đó phân tích xu hướng sử dụng vốn đầu tư của từng thành phần theo hướng tích cực hay tiêu cực để tìm nguyên nhân và giải pháp khắc phục. Theo xu hướng tích cực thì tỷ trọng thiết bị trong tổng vốn đầu tư ngày càng tăng, tỷ trọng vốn xây lắp, chi phí khác ngày càng giảm. Đó là xu thế có tính quy luật vì sự phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Tuy nhiên, trong thực tế còn có sự đột biến của các chính sách kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước cũng làm ảnh hưởng đến sự thay đổi về cơ cấu thành phần vốn đầu tư cần được xem xét khi phân tích, đánh giá.

1.3.1.4 Chỉ tiêu đánh giá về hiệu quả kinh tế xã hội

- Mức đóng góp cho ngân sách (các khoản nộp vào ngân sách như thuế doanh thu, thuế đất□)

-Mức giá trị gia tăng của mỗi nhóm dân cư (Nâng cao mức sống của dân cư do thực hiện dự án)

-Tăng thu và tiết kiệm ngoại tệ: Nó cho biết mức độ đóng góp vào cán cân thanh toán của đất nước nhờ có hoạt động đầu tư XDCCB

-Một số chỉ tiêu khác:

+Tác động cải tạo môi trường

+Nâng cao trình độ kỹ thuật của sản xuất, trình độ nghề nghiệp của người lao động

+Những tác động về xã hội, chính trị, kinh tế, suất đầu tư, tổng lợi nhuận, thời gian thu hồi vốn đầu tư, tỷ suất lợi nhuận, điểm hoà vốn... và nhiều chỉ tiêu bổ sung khác tùy theo mục tiêu, yêu cầu của sự đánh giá.

1.3.2 Nhân tố ảnh hưởng tới quản lý vốn đầu tư XDCB

1.3.2.1 Nhóm nhân tố bên ngoài

a) Cơ chế quản lý đầu tư xây dựng

Cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng là các quy định của Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền về các nội dung quản lý làm chế tài để quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng. Nếu cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng mang tính đồng bộ cao sẽ là nhân tố quan trọng thúc đẩy nhanh hoạt động đầu tư xây dựng, tiết kiệm trong việc quản lý vốn đầu tư cho XDCB, ngược lại nếu chủ trương đầu tư thường xuyên bị thay đổi sẽ gây ra những lãng phí to lớn đối với nguồn vốn đầu tư cho XDCB.

Mặc dù Chính phủ và các Bộ, ngành đã có nhiều cố gắng nghiên cứu sửa đổi bổ sung các cơ chế chính sách cho phù hợp hơn trong điều kiện nền kinh tế thị trường song cơ chế, chính sách quản lý kinh tế nói chung, quản lý đầu tư và xây dựng nói riêng vẫn chưa theo kịp thực tế cuộc sống.

b) Chiến lược phát triển kinh tế và chính sách kinh tế trong từng thời kỳ

Đối với nước ta, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là hệ thống quan điểm định hướng của Đảng, của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội theo ngành, theo vùng kinh tế trong từng giai đoạn. Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2010 là tập trung vào hai nội dung cơ bản: Tạo ra tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nhanh chóng đưa nước ta trở thành một

nước công nghiệp, tiến sát với trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới trong một vài thập kỷ tới. Cùng với chính sách kinh tế và pháp luật kinh tế, hoạt động đầu tư của Nhà nước nói chung và hoạt động đầu tư XDCB nói riêng là biện pháp kinh tế nhằm tạo môi trường và hành lang cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh và hướng các hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp đi theo quỹ đạo của kế hoạch vĩ mô.

c) Thị trường và sự cạnh tranh

Trong nền kinh tế đa thành phần, các loại thị trường (thị trường vốn, thị trường đầu tư, thị trường tiêu thụ sản phẩm...) là một căn cứ hết sức quan trọng để nhà đầu tư quyết định đầu tư. Việc phân tích thị trường xác định mức cầu sản phẩm để quyết định đầu tư đòi hỏi phải được xem xét hết sức khoa học và bằng cả sự nhạy cảm trong kinh doanh để đi đến quyết định đầu tư. Trong hoạt động đầu tư XDCB, khi xem xét yếu tố thị trường không thể bỏ qua yếu tố cạnh tranh. Yếu tố này đòi hỏi nhà chủ đầu tư cân nhắc đầu tư dựa trên tình hình hiện tại của mình, đặc biệt là tình hình cạnh tranh trên thị trường đầu tư XDCB và dự đoán tình hình trong tương lai để quyết định có nên tiến hành đầu tư XDCB không, nếu có thì lựa chọn phương thức đầu tư nào để đầu tư có hiệu quả.

d) Lợi tức vay vốn

Đây là yếu tố ảnh hưởng tới chi phí đầu tư trực tiếp và chi phí cơ hội của một chủ đầu tư. Thông thường, để thực hiện hoạt động đầu tư XDCB, ngoài vốn tự có, chủ đầu tư phải vay vốn và đương nhiên phải trả lợi tức những khoản tiền vay. Vì vậy, chủ đầu tư không thể không tính đến yếu tố lãi suất tiền vay trong quyết định tiến hành hoạt động đầu tư XDCB.

e) Sự tiến bộ của khoa học công nghệ

Nó có thể là cơ hội và cũng có thể là nguy cơ đe dọa đối với một dự án đầu tư. Trong đầu tư, chủ đầu tư phải tính đến thành tựu của khoa học, công nghệ để xác định quy mô, cách thức đầu tư về trang thiết bị, quy trình kỹ thuật, công nghệ sản xuất... sự tiến bộ của khoa học công nghệ cũng đòi hỏi nhà đầu tư dám chấp nhận sự mạo hiểm trong đầu tư nếu muốn đầu tư thành công. Đặc biệt trong đầu tư XDCB, sự tiến bộ của khoa học công nghệ đã làm tăng năng suất lao động, giúp cải tiến nhiều trong quá trình tổ chức thi công, rút ngắn thời gian hoàn thành công trình. Bên cạnh đó quá trình quản lý hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đòi hỏi phức tạp hơn

1.3.2.2 Nhóm nhân tố bên trong

a) Khả năng tài chính của chủ đầu tư

Để đi đến quyết định đầu tư, chủ đầu tư không thể không tính đến khả năng tài chính để thực hiện đầu tư. Mỗi chủ đầu tư chỉ có nguồn tài chính để đầu tư ở giới hạn nhất định, chủ đầu tư không thể quyết định đầu tư thực hiện các dự án vượt xa khả năng tài chính của mình, đây là một yếu tố nội tại chi phối việc quyết định đầu tư. Do vậy, khi đưa ra một chính sách cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng không thể chú ý đến các giải pháp quản lý và huy động vốn đầu tư cho dự án. Trong điều kiện của nước ta ở giai đoạn hiện nay, ảnh hưởng này có tác động không nhỏ đến hiệu quả kinh tế của dự án.

b) Nhân tố con người

Nhân tố con người là nhân tố vô cùng quan trọng đối với công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản, bởi vì cho dù khi đã có cơ chế chính sách đúng, môi trường đầu tư thuận lợi nhưng năng lực quản lý đầu tư xây dựng yếu kém, luôn có xu hướng tìm kẽ hở trong chính sách để tham nhũng thì công tác quản lý vốn sẽ không đạt được hiệu quả mong muốn. Các biểu hiện của những hạn chế trong nhân tố con người đối với quản lý vốn đầu tư XDCB:

-Quyết định đầu tư vội vàng thiếu chính xác

Chất lượng công tác quy hoạch thấp, quy hoạch chưa thực sự đi trước một bước để làm căn cứ xác định địa điểm xây dựng cho dự án đầu tư, nên quyết định đầu tư thiếu chính xác. Vì thế không ít dự án khi xây dựng chưa có quy hoạch tổng thể nên các công trình phải dịch chuyển địa điểm gây tổn thất, lãng phí, hiệu quả đầu tư thấp. Hiện tượng khá phổ biến khác là nhiều cấp có thẩm quyền khi ra các quyết định liên quan đến chủ trương đầu tư như tổng dự toán, dự toán chi tiết thiếu chính xác nên đưa đến hiện tượng phổ biến là thường phải điều chỉnh bổ sung.

-Bố trí công trình hàng năm quá phân tán làm lu mờ mục tiêu chiến lược: Bố trí kế hoạch quá phân tán, hàng năm số dự án, công trình đưa vào kế hoạch đầu tư quá lớn. Do vậy thời gian thi công bị kéo dài, hiệu quả thấp. Các công trình có khối lượng thực hiện quá lớn lại được bố trí kế hoạch năm sau thấp, nên kéo dài niên độ thực hiện kế hoạch của các dự án, công trình.

c) Đặc điểm sản phẩm xây dựng

Các sản phẩm xây dựng có những đặc điểm chủ yếu sau:

-Sản phẩm xây dựng có tính chất cố định, nơi sản xuất gắn liền với nơi tiêu thụ sản phẩm, phụ thuộc trực tiếp vào điều kiện, địa chất, thủy văn, khí hậu.

Chất lượng và giá cả (chi phí xây dựng) sản phẩm chịu ảnh hưởng trực tiếp của các điều kiện tự nhiên. Do vậy để giảm thiểu lãng phí, thất thoát do nguyên nhân khách quan bởi các tác động trên đòi hỏi trước khi xây dựng phải làm thật tốt công tác chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị xây dựng, Đặc điểm này đòi hỏi cần có giải pháp tài chính để kiểm tra việc sử dụng và quản lý vốn đầu tư XDCB ngay từ khâu đầu tiên là xác định chủ trương đầu tư, lựa

chọn địa điểm, điều tra khảo sát, thăm dò... để dự án đầu tư đảm bảo tính khả thi cao.

- Sản phẩm xây dựng có quy mô lớn, kết cấu phức tạp

Sản phẩm xây dựng với tư cách là công trình xây dựng đã hoàn chỉnh mang tính chất là tài sản cố định, kết cấu của sản phẩm phức tạp, các bộ phận công trình có yêu cầu kỹ thuật khác nhau, đòi hỏi khối lượng vốn đầu tư, vật tư lao động, máy thi công nhiều...khác nhau. Do vậy trong quản lý vốn trong hoạt động đầu tư XDCCB phải nâng cao chất lượng công tác kế hoạch hoá vốn đầu tư, lập định mức kinh tế kỹ thuật và quản lý theo định mức.

- Sản phẩm xây dựng có thời gian sử dụng lâu dài và chất lượng của nó có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả hoạt động của các ngành khác.

- Sản phẩm xây dựng mang tính tổng hợp về kỹ thuật, kinh tế, xã hội, văn hoá nghệ thuật và quốc phòng. Đặc điểm này dễ dẫn đến phát sinh các mâu thuẫn, mất cân đối trong phối hợp đồng bộ giữa các khâu công tác trong quá trình chuẩn bị cũng như quá trình thi công.

- Sản phẩm xây dựng có tính chất đơn chiếc, riêng lẻ

Mỗi sản phẩm đều có thiết kế riêng theo yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế. Mỗi công trình có yêu cầu riêng về công nghệ, về tiện nghi, về mỹ quan, về an toàn. Do đó khối lượng của mỗi công trình đều khác nhau, mặc dù về hình thức có thể giống nhau khi xây dựng trên những địa điểm khác nhau.

1.4. Tính tất yếu của việc hoàn thiện quản lý vốn đầu tư XDCCB

1.4.1. Vai trò của việc hoàn thiện quản lý vốn đầu tư XDCCB

Thứ nhất: Hoàn thiện quản lý vốn đầu tư XDCCB đối với các dự án đầu tư để nâng cao hiệu quả đầu tư, tiết kiệm, đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công. Dự án đầu tư như ta đã biết bao gồm một hệ thống nhiều công việc

phức tạp trong đó có nhiều công việc mang tính đặc thù mà nhiều khi một mình chủ đầu tư không thể đảm đương hết được. Phần lớn các dự án đầu tư được thực hiện bởi nhiều đơn vị, mỗi đơn vị đảm nhận mỗi công việc riêng dưới sự quản lý chung của chủ đầu tư. Do đó việc quản lý vốn đầu tư XDCCB trở lên rất khó khăn. Làm thế nào đảm bảo sử dụng vốn đầu tư XDCCB đúng mục đích tránh thất thoát (Điều này rất dễ xảy ra trong quá trình thực hiện dự án đầu tư XDCCB do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan), vừa đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công, vừa đảm bảo tiết kiệm, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư đặc biệt là trong điều kiện quy mô, số lượng dự án tăng, thiết bị công nghệ ngày càng hiện đại? Việc hoàn thiện quản lý vốn đầu tư XDCCB chính là một trong những câu trả lời đúng đắn cho câu hỏi đó.

Thứ hai: Hiện nay môi trường pháp lý về đầu tư và xây dựng ở nước ta còn chưa đầy đủ. Bộ luật xây dựng chưa được thông qua, hệ thống các văn bản pháp quy về xây dựng cơ bản chưa đầy đủ, trong khi lại có nhiều văn bản chồng chéo nhau, thậm chí nội dung mâu thuẫn nhau, các thủ tục hành chính còn rườm rà ảnh hưởng đến công tác đầu tư và xây dựng Trong điều kiện môi trường pháp lý như vậy, việc thực hiện tốt các dự án đầu tư XDCCB, vốn đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao cho ngành và xã hội càng trở lên khó khăn gấp bội, đòi hỏi phải hoàn thiện quản lý vốn đầu tư XDCCB.

Thứ ba: Xuất phát từ chính vai trò của vốn đầu tư XDCCB là tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho xã hội, là nhân tố quyết định làm thay đổi cơ cấu kinh tế quốc dân, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển nền kinh tế đất nước. Những vai trò đó chỉ có thể được thể hiện trong điều kiện có sự quản lý chặt chẽ ở tầm vĩ mô cũng như tầm vi mô, còn nếu buông lỏng quản lý thì vai trò đó lập tức sẽ bị thủ tiêu. Điều này đã được thực tế kiểm nghiệm không chỉ ở nước ta mà trên thế giới. Vì vậy hoàn thiện quản lý vốn đối với các dự án đầu tư XDCCB vừa là một thực tiễn khách quan, vừa là một yêu cầu cấp bách.

1.4.2. Hoàn thiện quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản giúp định hướng hoạt động đầu tư XDCCB

Thử thách lớn nhất đối với Nhà nước ta là phải quản lý vốn đầu tư XDCCB ra sao để giảm bớt cái giá phải trả về kinh tế mà vẫn đạt được mục tiêu đầu tư xây dựng như mong muốn. Nhà nước ta luôn luôn đổi mới về quản lý đầu tư xây dựng nhưng vẫn còn nhiều nhược điểm về cơ chế quản lý và phương thức hoạt động đầu tư XDCCB. Những diễn biến hết sức phức tạp trong hoạt động đầu tư XDCCB trong thời gian qua: Sự kiện Cầu Văn Thánh 2, quốc lộ 1□, tại hội nghị tổng kết Thanh tra Nhà nước năm 2002 kết luận: Có đến 97% các công trình đầu tư xây dựng cơ bản có thất thoát vốn do tham nhũng, làm sai nguyên tắc. Vì thế việc quản lý vốn đầu tư XDCCB càng trở nên bức thiết hơn bao giờ hết, trước hết nền kinh tế đòi hỏi phải có Luật đầu tư XDCCB làm cơ sở pháp lý cho quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý vốn đầu tư XDCCB trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Hoàn thiện quản lý vốn đầu tư XDCCB là một việc làm hết sức cần thiết, bắt nguồn từ việc đáp ứng yêu cầu thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước mà đặc biệt là thực hiện Chỉ thị số: 05/1998/CT-TTg ngày 22/01/1998 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tăng cường công tác quản lý đầu tư và xây dựng.

